

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST
Ngày 26-9-2022
V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ của người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Út.

Bà Phạm Kim Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2022/TLST - DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1963 (có mặt). Địa chỉ: Số D/Liên kế Q Bến vật liệu HTM, Khóm S, phường K, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

+ Bà Thái Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt). Địa chỉ: Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Minh V, sinh năm 1989 (vắng mặt). Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Mỹ N, sinh năm 1985 (vắng mặt). Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Vũ H, sinh năm 1984 (vắng mặt). Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Thúy L, sinh năm 1983 (vắng mặt). Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Phạm Kiều O, sinh năm 1976 (có mặt). Địa chỉ: Ấp CL, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau

+ Anh Phạm Dũng S, sinh năm 1975 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp TB, xã VAD, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Phạm Văn V (vắng mặt). Khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Ngọc A trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn L1 có mối quan hệ bạn bè nên trong năm 2011, 2012 nhiều lần bà cho ông L1 mượn tổng số tiền 53.000.000 đồng để ông L1 kinh doanh trại tôm, cua giống, các lần cho mượn đều không làm biên nhận, cụ thể:

Lần 1: Cho mượn 20.000.000 đồng tại nhà ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị M tại Khóm 1, phường 6, thành phố Cà Mau, có vợ chồng ông L chứng kiến.

Lần 2: Cho mượn 20.000.000 đồng tại quán cà phê Mậu Hòa ở thị trấn Năm Căn, có ông H (đã chết) và chủ quán bà Mai Tuyết S chứng kiến.

Lần 3: Bà đưa tiền cho ông Trần X 5.000.000 đồng để giao lại cho ông L1, hiện nay không liên lạc được và không biết địa chỉ ông Trần X ở đâu.

Lần 4: Cho mượn 5.000.000 đồng tại thành phố Cà Mau có bà M chứng kiến.

Ngoài ra, bà có cho mượn nhiều lần, mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, sau đó ông L1 cũng có trả, nhưng sau cùng chốt lại ông L1 nợ 53.000.000 đồng.

Đến năm 2015 và 2016 ông L1 nhờ bà chơi dùm 01 chân hụi để trả tiền cho bà và chân hụi này đã mãn, ông L1 trả được 18.000.000 đồng.

Năm 2020 ông L1 trả cho bà 1.000.000 đồng; ngày 08/3/2020 ông L1 trả thêm 1.000.000 đồng có bà M và bà Lâm Kim L chứng kiến.

Đến tháng 9/2020 ông L1 chết nên bà kiện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải trả cho bà 33.000.000 đồng tiền ông L1 còn nợ.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Kiều O trình bày:* Gia đình chị không quen biết bà Lâm Ngọc A và cũng không biết cha chị là ông Phạm Văn L1 với bà Lâm Ngọc A có mối quan hệ như thế nào. Ngày 09/8/2020 âl ông L1 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm có vợ là bà Thái Thị N và 07 người con tên: anh Phạm Dũng S, chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, anh Phạm Văn V và chị. Khi ông L1 còn sống thì chị không nghe ông L1 nói gì đến số nợ của bà L1 Ngọc A.

Sau khi cha chị chết thì bà A có điện thoại cho gia đình chị để đòi tiền, nhưng gia đình chị không quen biết bà A và nếu bà A có chứng cứ là biên nhận nợ của cha chị thì đồng ý trả, ngược lại bà A không có chứng cứ, còn nhờ những người không

quen biết gia đình chị đứng ra làm chứng là không khách quan. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Dũng S trình bày:* Anh thống nhất và đồng ý theo lời trình bày của chị O là đúng.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/9/2022 bị đơn bà Thái Thị N trình bày:* Bà là vợ ông Phạm Văn L1. Ông L1 chết đã 02 năm và di sản ông L1 để lại là diện tích đất 41.800m² tọa lạc Khóm S, thị trấn NC, huyện NC và 01 căn nhà cấp 4 trên đất hiện do ông L1 đứng tên quyền sử dụng, giá trị di sản của ông L1 lớn gấp 100 lần số tiền bà A khởi kiện. Bà và gia đình của bà không quen biết và chưa từng tiếp xúc, gặp gỡ bà Lâm Ngọc A, cũng không biết ông L1 có quen biết bà A hay không. Khi ông L1 còn sống thì không nghe nói về số nợ của bà A, khi ông L1 chết thì bà A có đi đám tang và sau đó gọi điện thoại để đòi tiền gia đình bà nhiều lần. Nay bà xác định nếu bà A có chứng cứ thì đồng ý trả, còn chứng cứ không hợp pháp thì không đồng ý trả.

- *Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, anh Phạm Văn V cùng trình bày:* Do bận nhiều công việc nên xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc A yêu cầu bà Thái Thị N, anh Phạm Dũng S, chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, anh Phạm Văn V, chị Phạm Kiều O trả số nợ 33.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bà A chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bà Thái Thị N, anh Phạm Dũng S, chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, anh Phạm Văn V vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định ông Phạm Văn L1 đã chết vào ngày 09/8/2020 và không để lại di chúc. Di sản của ông L1 chết để lại là diện tích đất 41.800m² tọa lạc Khóm S, thị trấn NC, huyện NC và 01 căn nhà cấp 4 trên đất hiện do ông L1 đứng tên quyền sử dụng, giá trị di sản của ông L1 lớn gấp nhiều lần so với số tiền bà A khởi kiện và di sản này chưa được phân chia. Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự, nếu yêu cầu của bà A được chấp nhận thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 gồm: bà Thái Thị N, anh Phạm Dũng S, chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, chị Phạm Kiều

O và anh Phạm Văn V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông L1 để lại là có căn cứ.

[2] Nguyên đơn bà A khởi kiện cho rằng ông Phạm Văn L1 hỏi mượn của bà nhiều lần trong năm 2011, 2012 tổng số tiền 53.000.000 đồng. Đến năm 2015 và 2016 nhờ chơi hội dùm và trả được 18.000.000 đồng. Năm 2020 trả 1.000.000 đồng và ngày 08/3/2020 trả 1.000.000 đồng, ông L1 còn nợ lại 33.000.000 đồng. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 không thừa nhận số nợ này. Chứng cứ bà A cung cấp là những người làm chứng chứng kiến việc cho mượn tiền và giao trả tiền như: Vợ chồng bà Trần Thị M và ông Nguyễn Thăng L; bà Lâm Kim L (em ruột bà Lâm Ngọc A), bà Mai Tuyết S.

[3] Xét chứng cứ bà A đưa ra thì thấy rằng:

[3.1] Bà Trần Thị M khai có quen biết ông L1 hơn 10 năm nay và thường đi uống cà phê chung. Cách nay khoảng 9 -10 năm ông L1 có đến nhà bà tại phường 6, thành phố Cà Mau chơi thì thấy bà A đưa cho ông L1 nhiều tờ giấy mệnh giá 500.000 đồng, bà có hỏi bà A thì bà A cho biết đưa cho ông L1 mượn 20.000.000 đồng. Một thời gian sau ông L1 đến thành phố Cà Mau thì thấy bà A đưa cho ông L1 5.000.000 đồng tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một thời gian sau nữa, bà nhìn thấy ông L1 có trả cho bà A 1.000.000 đồng và nói còn nợ lại bà A 33.000.000 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Thăng L (chồng bà M) khai cách nay khoảng 04 đến 05 năm, khi ông L1 đến nhà của ông thì vợ chồng ông nhìn thấy bà A đưa tiền cho ông L1 mượn, tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nhưng không hỏi số lượng bao nhiêu và thời gian sau ông nghe bà M nói khi đi uống cà phê thì bà A có đưa tiền cho ông L1 mượn nhưng không hỏi bao nhiêu. Khi ông L1 đi điều trị bệnh ở thành phố Cà Mau, ông có hỏi thì ông L1 nói mượn của bà A tổng 50.000.000 đồng. Sau đó, ông nghe ông Chín Đầu và bà M nói ông L1 có trả cho bà A một số tiền và còn nợ lại bà A 35.000.000 đồng.

[3.3] Bà Mai Tuyết S khai nghề nghiệp bán quán cà phê tại Khóm A thị trấn NC thì ông L1, bà A và nhiều người khác có thường xuyên lại quán của bà uống cà phê. Khoảng 10 năm nay, bà nhìn thấy bà A đưa nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho ông L1. Khi đó, bà có nghe ông L1 nói mượn tiền của bà A, bà không hỏi nên không biết bao nhiêu tiền.

[3.4] Bà Lâm Kim L khai vào ngày 08/3/2020 bà cùng bà M, bà A và ông L1 uống cà phê tại Căn tin Bệnh viện Hoàng Mỹ, bà nhìn thấy ông L1 đưa cho bà A 1.000.000 đồng và nói còn nợ lại 33.000.000 đồng.

[3.5] Ông Lê Hoàng Đ (Chín Đ) khai có quen biết ông L1 và bà A. Trong quá trình giao tiếp, ông không nghe nói gì về việc ông L1 nợ tiền bà A.

[4] Theo quy định tại khoản 1 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh: *“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa*

ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Ông L và bà M khai thời gian nhìn thấy bà A giao tiền cho ông L1 tại nhà của vợ chồng ông L là chưa phù hợp nhau. Những người làm chứng và nguyên đơn bà A cũng không xác định được thời gian cụ thể cho ông L1 mượn tiền nhưng việc bà A kiện đòi lại 33.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của bà M và bà L nghe ông L1 nói còn nợ 33.000.000 đồng. Việc bà A đưa cho ông L1 mượn 20.000.000 đồng tại nhà ông L ở thành phố Cà Mau có vợ chồng ông L nhìn thấy, 5.000.000 đồng có bà M nhìn thấy và một lần tại thị trấn Năm Căn có bà S nhìn thấy. Những người làm chứng chỉ quen biết ông L1 và bà A; không quen biết những người trong gia đình của ông L1. Trong khi đó, gia đình bị đơn phản đối chứng cứ nguyên đơn đưa ra. Xét thấy, việc giao nhận tiền giữa bà A và ông L1 là giao dịch dân sự giữa cá nhân ông L1 và bà A; nếu bà A cho rằng ông L1 còn nợ 33.000.000 đồng thì bà A phải chứng minh được ông L1 trực tiếp mượn số tiền bao nhiêu, thời gian cho mượn, thời hạn giao trả cụ thể như thế nào và văn bản nhận nợ của ông L1. Trong khi đó, những người làm chứng là bạn bè, người thân của bà A, giữa họ và gia đình bà N không quen biết nhau nên lời trình bày của người làm chứng bà M, ông L, bà L, bà S là không khách quan, chưa đủ cơ sở để xác định ông L1 có nợ tiền bà A. Như vậy, bà A kiện cho rằng khi ông L1 chết còn nợ bà 33.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.650.000 đồng (33.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc A yêu cầu bà Thái Thị N, anh Phạm Dũng S, chị Phạm Mỹ N, anh Phạm Vũ H, chị Phạm Thúy L, anh Phạm Minh V, anh Phạm Văn V, chị Phạm Kiều O hoàn trả số tiền 33.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Lâm Ngọc A phải chịu 1.650.000 đồng.

Bà A đã dự nộp 825.000 đồng tại biên lai số 0015703 ngày 27/7/2022 được chuyển thu đối trừ, bà A còn phải nộp thêm số tiền 825.000 đồng;

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên